

Số: 3593 /BC-BVSTBPN

Triệu Sơn, ngày 24 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Hoạt động Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện Triệu Sơn năm 2019

Thực hiện Công văn số 3054/BVTBCPN-TEBĐG báo cáo tình hình hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2019, Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 với nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC VÌ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ

1. Triển khai chủ trương, chính sách, pháp luật, chương trình liên quan tới công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới

Thực hiện Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể và nhân dân trong huyện đã triển khai thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả, tạo điều kiện cho phụ nữ phát huy quyền làm chủ và bình đẳng trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội và trong gia đình, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của huyện. Các hoạt động thực hiện công tác bình đẳng giới bước đầu thu được những kết quả đáng khích lệ, công tác bình đẳng giới ngày càng có những bước chuyển biến rõ nét.

Để cụ thể hóa những chương trình, kế hoạch về công tác bình đẳng giới của tỉnh, UBND huyện Triệu Sơn đã ban hành các văn bản như sau:

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch số 396/KH-UBND ngày 20/2/2016 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016- 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Triệu Sơn; Kế hoạch số 456/KH-UBND ngày 14/2/2019 UBND huyện Triệu Sơn về Hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và công tác bình đẳng giới huyện Triệu Sơn năm 2019.

2. Hoạt động thường xuyên của Ban

Công tác tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới đã phối hợp Hội LHPN huyện chỉ đạo Hội phụ nữ các cấp phối hợp với các ngành làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới trong toàn thể cán bộ hội viên, phụ nữ; kết quả 36/36 xã, thị trấn truyền truyền 72 cuộc truyền truyền trên hệ thống loa phát thanh của xã, cấp tài liệu, vào dịp 8/3 và 20/10.

3. Công tác phối hợp liên ngành

- Ban VSTBPN đã phối hợp với các phòng, ban, ngành, các xã thị trấn như: Phòng Giáo dục - Đào tạo, Phòng Y tế, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp -

Giáo dục thường xuyên, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ và các xã, thị trấn đều phối hợp cùng với Ban VSTBPN huyện triển khai các hoạt động, triển khai thực hiện các mục tiêu tiêu chí, xây dựng các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên. Phối hợp để triển khai thực hiện các chỉ tiêu quốc gia về bình đẳng giới như:

- Ban chỉ đạo phối hợp với Hội liên hiệp Phụ nữ huyện tổ chức, giới thiệu cho 1.755 chi tham gia lớp đào tạo học làm mi, làm việc tại công ty may Ivory, công ty may Polywell Creation. LTD, Roll Sport, Aleorn Việt Nam có thu nhập từ 4,5-5 triệu đồng/người/tháng;

- Hội Phụ nữ cơ sở phối hợp tổ chức tập huấn về chuyển giao khoa học kỹ thuật được 26 lớp cho 5.890 chi tham gia nâng cao kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc lúa, chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật trồng rau an toàn cho thành viên HTX sản xuất và tiêu thụ nông sản xã Dân lý cho 26 thành viên. Phối hợp tuyên truyền cho hội viên, phụ nữ và nhân dân được 229 chi đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, A rập,... điển hình đơn vị xã Đồng Tiến, Hợp Lý,...

- Công tác đào tạo nghề, tạo việc làm trong năm trên địa bàn huyện: 3.152 lao động được đào tạo nghề, chủ yếu nghề may công nghiệp, dày da của 5 nhà máy đóng trên địa bàn huyện.

+ Số lao động được đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg trong năm trên địa bàn huyện: 03 lớp với 132 lao động;

+ Số lao động được các cơ sở, doanh nghiệp, cá nhân đào tạo nghề thường xuyên là: 3.020 lao động.

+ Số lao động nữ được đào tạo nghề là 2.048 lao động, bằng 65%.

4. Công tác cán bộ nữ

- Tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020:

+ Cấp huyện: 7/43, tỷ lệ: 16,3%;

+ Cấp xã: 73/500, tỷ lệ: 14,6%. Trong đó: 1 Bí thư Đảng ủy; 3 Phó Bí thư Đảng ủy.

+ Khối Đảng bộ cơ quan: 13/90, tỷ lệ: 14,44%

+ Cấp ủy chi bộ doanh nghiệp trực thuộc: 6/91, tỷ lệ: 6,59%. Trong đó: 4 Bí thư chi bộ; 2 phó Bí thư chi bộ.

+ Tỷ lệ nữ tham gia ứng cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021:

Hội đồng nhân dân huyện: Tỷ lệ nữ 11/42, tỷ lệ: 26,19%.

Hội đồng nhân dân cấp xã: 151/902, tỷ lệ 16,7%.

+ Nữ là cán bộ chủ chốt UBND cấp xã: 1/36, tỷ lệ: 2,8%;

+ Số cán bộ nữ là Trưởng, phó các phòng, ban, ngành cấp huyện và tương đương: 19 đồng chí.

+ Số cán bộ là Trưởng ngành, đoàn thể cấp xã là: 46 đồng chí.

5. Công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái trong lĩnh vực quản lý nhà nước

Công tác triển khai các hoạt động phòng ngừa và ứng phó với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái được quan tâm chỉ đạo, xây dựng các mô hình nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới tại địa phương: phối hợp cùng với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện thành lập 289 câu lạc bộ xây dựng hạnh phúc gia đình theo đề án cấp huyện với tổng số 10.389 thành viên, câu lạc bộ có nhiệm vụ phổ biến các kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm trong việc tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình, cùng nhau xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái, phụng dưỡng cha, mẹ, ông, bà.

II. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2020

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ tiêu chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn 2015-2020 và các văn bản chỉ đạo của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Thanh Hóa đến các phòng, ban và đơn vị trong toàn huyện.

2. Tăng cường công tác cán bộ với sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, các tổ chức đoàn thể.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trong cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong huyện nhằm nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ, góp phần xóa bỏ các định kiến giới, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

4. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cơ sở, hướng dẫn các đơn vị kiện toàn, thành lập Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ trên địa bàn huyện. / ll

Nơi nhận:

- Ban VSTBPN tỉnh (báo cáo);
- TT Huyện ủy, HĐND (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (báo cáo);
- Thành viên Ban VSTBPN huyện;
- Ban VSTBPN cơ sở;
- Lưu: VT, BVSTBPN.


TRƯỞNG BAN
PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Quang Trung

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN VỊ SỰ TIỀN BỘ CỦA PHỤ NỮ

(Kèm theo Báo cáo số 3593/BVSTBPN ngày 27/11/2019
của Trưởng Ban VSTBPN huyện Triệu Sơn)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm 2019	KQ thực hiện năm 2019	Đánh giá kết quả (Đạt, không đạt)
I	Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị					
1	Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp huyện nhiệm kỳ 2016-2021	%	31,7	26,2	26,2	Đạt
2	Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021	%	22,8	16,7	16,7	Đạt
3	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020: Huyện Đảng bộ	%	23,7	16,3	16,3	Đạt
4	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020: Đảng bộ xã	%	16,5	14,6	14,6	Đạt
6	Tỷ lệ cơ quan HĐND, UBND cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	15,0	6,6	6,6	Đạt
7	Tỷ lệ cơ quan HĐND, UBND cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	5,8	2,8	2,8	Đạt
9	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	18,5	18,5	18,5	Đạt
10	Tỷ lệ cơ quan Đảng, tổ chức chính trị xã hội cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ	%	10,5	10,2	10,2	Đạt
II	Mục tiêu 2: Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động					
1	Tổng số lao động được tạo việc làm mới	người	13.000	2.600	3.152	Đạt
1.1	Trong đó: Tỷ lệ nam được tạo việc làm mới	%	40,0	30,0	43,0	Đạt
1.2	Tỷ lệ nữ được tạo việc làm mới	%	40,0	30,0	57,0	Đạt
2	Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp	%	30,0	30,0	20,0	Không đạt
	Tổng số lao động nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật	người	20.000	3.000	3.152	Đạt
3	Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề, chuyên môn kỹ thuật	%	55,0	65,0	65,0	Đạt
4	Tỷ lệ nữ vùng nông thôn nghèo, DTTS được vay vốn ưu đãi	%	100,0	90,0	90,0	Đạt
III	Mục tiêu 3: Bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo					
1	Tỷ lệ biết chữ của nam trong độ tuổi 15-40 ở vùng sâu, vùng DTTS	%	99,0	96,8	95,7	Không
2	Tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi 15-40 ở vùng sâu, vùng DTTS	%	99,0	95,6	95,2	Không
3	Tỷ lệ nữ Thạc sỹ	%	0,003	0,003	0,002	Không
4	Tỷ lệ nữ Tiến sỹ	%	-	-	-	Không
IV	Mục tiêu 4: Bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe					
1	Tỷ số giới tính khi sinh: trẻ sơ sinh trai/trẻ sơ sinh gái	người	114/100	113/100	115/100	Không

TT	Nội dung	Đơn vị tính	KH giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm 2019	KQ thực hiện năm 2019	Đánh giá kết quả (Đạt, không đạt)
2	Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản/100.000 trẻ em sống	%	0,0	0,0	0,0	
3	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự truyền lây truyền HIV	%	0,0	0,0	0,0	
4	Giảm tỷ lệ phá thai	%	0,07	0,08	0,08	Đạt
5	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được khám thai đủ 3 lần trở lên	%	100,0	100,0	100,0	Đạt
V	Mục tiêu 5: Bình đẳng giới trong lĩnh vực Văn hóa-Thông tin-Truyền thông					
1	Giảm được bao nhiêu sản phẩm văn hóa mang tính định kiến	sản phẩm	85,0	72,0	72,0	Đạt
2	Tỷ lệ Đài PT-TH Huyện, xã có chuyên mục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới	%	100,0	95,0	95,0	Đạt
VI	Mục tiêu 6: Bình đẳng giới trong đời sống gia đình					
1	Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nam so với nữ	lần	2,0	1,5	1,5	Đạt
2	Tổng số vụ bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về pháp lý, sức khỏe	vụ	150,0	30,0	30,0	Đạt
	Tỷ lệ nạn nhân bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về PCBLGD	%	70,0	60,0	60,0	Đạt
3	Số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	%	70,0	60,0	60,0	Đạt
4	Số nạn nhân bị buôn bán trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng	%	100,0	100,0	100,0	Đạt
VII	Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực QLNN về bình đẳng giới					
1	Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật được xác định nội dung có liên quan đến bình đẳng giới hoặc bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được góp ý thẩm định	%	100,0	80,0	80,0	Đạt
2	Tỷ lệ thành viên tham gia ban soạn thảo dự thảo VBQPPL có nội dung liên quan đến BDG được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới, LGG	%	80,0	60,0	60,0	Đạt
3	Huyện bố trí cán bộ chuyên trách công tác Bình Đẳng giới	có/không	Không	Không	Không	Không
4	Tỷ lệ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ	%	100,0	80,0	80,0	Đạt